

Số: /QĐ-BKHCN

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành giá tối đa dịch vụ viễn thông công ích năm 2026 và mức hỗ trợ cho các đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 24 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 225/2026/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 163/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Viễn thông;

Căn cứ Nghị định 295/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Viễn thông về hoạt động viễn thông công ích và cơ chế tài chính thực hiện hoạt động viễn thông công ích;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15, Luật số 95/2025/QH15 và Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 777/QĐ-TTg ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Viễn thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành giá tối đa dịch vụ viễn thông công ích năm 2026 của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam:

1. Giá tối đa dịch vụ viễn thông công ích năm 2026 cung cấp cho các đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030:

STT (1)	Dịch vụ (2)	Đơn vị tính (3)	Giá dịch vụ (4)	Mức hỗ trợ (5)	Ghi chú (6)
I	Dịch vụ viễn thông bắt buộc				
1	- Dịch vụ viễn thông phục vụ liên lạc khẩn cấp đến các số 113, 114 và 115; - Dịch vụ viễn thông liên lạc đến số 112.				
1.1	Khởi phát từ mạng điện thoại cố định mặt đất	Đồng/phút	200	200	Không thu khách hàng
1.2	Khởi phát từ mạng thông tin di động mặt đất	Đồng/phút	270	270	Không thu khách hàng
2	Dịch vụ viễn thông vệ tinh phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn				
2.1	Dịch vụ thuê kênh băng tần C vệ tinh VINASAT	Đồng/MHz/tháng	36.450.000	36.450.000	Không thu khách hàng
2.2	Dịch vụ viễn thông VSAT-IP	Đồng/thuê bao/tháng Đồng/phút	24.509 1.744	24.509 1.744	Không thu khách hàng
2.3	Dịch vụ thoại vệ tinh Inmarsat đến mạng cố định				
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/phút	26.136	26.136	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/phút	28.750	28.750	Không thu khách hàng
2.4	Dịch vụ thoại vệ tinh Inmarsat đến mạng di động				
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/phút	32.670	32.670	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/phút	35.284	35.284	Không thu khách hàng
2.5	Dịch vụ thoại vệ tinh Inmarsat đến BGAN family				

STT (1)	Dịch vụ (2)	Đơn vị tính (3)	Giá dịch vụ (4)	Mức hỗ trợ (5)	Ghi chú (6)
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/phút	19.602	19.602	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/phút	28.750	28.750	Không thu khách hàng
2.6	Dịch vụ thoại vệ tinh Inmarsat đến Inmarsat Isatphone				
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/phút	19.602	19.602	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/phút	37.897	37.897	Không thu khách hàng
2.7	Tin nhắn				
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/SMS	13.068	13.068	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/SMS	14.375	14.375	Không thu khách hàng
2.8	Background IP	Đồng/MByte	199.940	199.940	Không thu khách hàng
2.9	Dịch vụ thoại vệ tinh Inmarsat đến Fleet Broadband				
	- Sử dụng loại BGAN	Đồng/phút	75.794	75.794	Không thu khách hàng
	- Sử dụng loại Isatphone	Đồng/phút	96.703	96.703	Không thu khách hàng
2.10	Dịch vụ viễn thông vệ tinh Inmarsat trả sau loại Isatphone	Đồng/thuê bao/tháng	2.234.628	2.234.628	Không thu khách hàng
2.11	Dịch vụ viễn thông vệ tinh Inmarsat trả sau loại BGAN	Đồng/thuê bao/tháng	2.731.212	2.731.212	Không thu khách hàng
3	Dịch vụ nhắn tin trên mạng viễn thông di động mặt đất phục vụ hoạt động chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn.	Đồng/SMS	62	62	Không thu khách hàng
II	Dịch vụ viễn thông phổ cập				
1	Dịch vụ truy nhập Internet	Đồng/thuê	130.000	130.000	Không thu

STT (1)	Dịch vụ (2)	Đơn vị tính (3)	Giá dịch vụ (4)	Mức hỗ trợ (5)	Ghi chú (6)
	băng rộng cố định mặt đất cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. <i>Gói dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất có tốc độ tải dữ liệu 200 Mbps.</i>	bao/tháng			khách hàng
2	Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất tại cơ sở giáo dục mầm non; cơ sở giáo dục phổ thông (bao gồm cả điểm trường); trạm y tế xã (bao gồm cả điểm y tế/điểm trạm y tế xã); điểm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số ứng dụng công nghệ thông tin thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. <i>Gói dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất có tốc độ tải dữ liệu 250 Mbps.</i>	Đồng/thuê bao/tháng	200.000	200.000	Không thu khách hàng
3	Dịch vụ viễn thông di động mặt đất Với lưu lượng, dung lượng gói theo các trường hợp sau: - Trường hợp 1: <i>65 phút gọi nội mạng, 15 phút gọi ngoại mạng, 10 tin nhắn trong nước, 10 GB data.</i> - Trường hợp 2: <i>105 phút gọi nội mạng, 30 phút gọi ngoại mạng, 20 tin nhắn trong nước.</i> - Trường hợp 3: 25 GB data.	Đồng/thuê bao/tháng	60.000	60.000	Không thu khách hàng

2. Các mức giá dịch vụ viễn thông công ích quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Điều 2. Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2030:

1. Mức hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích cho các đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này do Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam hỗ trợ cho các đối tượng được sử dụng dịch vụ viễn thông công ích thông qua Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Mức hỗ trợ được áp dụng ổn định trong cả thời gian thực hiện Chương trình.

2. Trường hợp đối tượng sử dụng dịch vụ viễn thông phổ cập tại phần II khoản 1 Điều 1 Quyết định này sử dụng dịch vụ viễn thông vượt quá mức được hỗ trợ quy định tại khoản 1 Điều này, thuê bao sử dụng dịch vụ viễn thông có trách nhiệm trả chi phí cho doanh nghiệp viễn thông theo quy định đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp phần chi phí sử dụng dịch vụ vượt so với mức được hỗ trợ từ Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam.

Điều 3. Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam có trách nhiệm:

1. Ban hành quyết định giá dịch vụ viễn thông công ích cụ thể áp dụng cho từng dịch vụ viễn thông công ích được doanh nghiệp cung cấp. Giá dịch vụ viễn thông công ích do doanh nghiệp ban hành không được cao hơn giá tối đa dịch vụ viễn thông công ích tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

1.1. Doanh nghiệp ban hành giá cụ thể đối với từng loại dịch vụ viễn thông công ích tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này bằng giá tối đa do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định, mức hỗ trợ bằng giá tối đa quy định tại Điều 1 Quyết định này.

1.2. Doanh nghiệp ban hành giá cụ thể đối với từng loại dịch vụ viễn thông công ích tương ứng quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này thấp hơn giá tối đa do Bộ Khoa học và Công nghệ quy định, mức hỗ trợ bằng giá cụ thể do doanh nghiệp ban hành.

2. Thực hiện kê khai giá dịch vụ viễn thông công ích tại khoản 1 Điều này đến Bộ Khoa học và Công nghệ theo đúng quy định pháp luật về giá.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2026.

Điều 5. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Viễn thông, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Quỹ Dịch vụ Viễn thông công ích Việt Nam, Chủ tịch, Tổng Giám đốc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phạm Đức Long;
- Sở KHCN các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Vụ KHTC, Quỹ Dịch vụ VTCI Việt Nam;
- Lưu: VT, CVT. (03 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Đức Long